TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **116**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/3/2022
V/v tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con chung"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Bích Thiền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Tâm**

2. Bà **Nguyễn Thị Loan**

Thư ký phiên tòa: Ông **La Tương Lai** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông **Trịnh Thanh Dũ** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 308/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021, về tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: **Nguyễn Thị TH**, sinh năm xxxx. *(xin vắng mặt)*
Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
2. **Bị đơn**: **Trịnh Minh T (T1)**, sinh năm xxxx. *(vắng mặt không lý do)*
Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn ngày 08/11/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị TH trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh T tổ chức cưới vào năm 1995, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào năm 2002. Sau khi cưới, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do chị nghi ngờ anh T có tình cảm với người thứ ba dù người này đã có gia đình, vì thương con còn nhỏ nên chị cố gắng chịu đựng. Tuy nhiên, vợ chồng đã ly thân hơn 01 năm nay, không còn quan T đến nhau và thời gian gần đây anh T đi nhậu về kiếm chuyện cự cãi với chị, hăm dọa đánh chị và nói những lời khó nghe nên tình cảm vợ chồng rạn nứt và không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng chị chung sống có 02 con chung tên Trịnh Thị Ngọc H, sinh năm xxxx và Trịnh Thị Ngọc TR, sinh ngày xx/xx/xxxx, hiện H hiện đã

trưởng thành, chị không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu TR hiện sống cùng anh T, ly hôn chị giao con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Hai bên tự thỏa thuận.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

** Qúa trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trịnh Minh T vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn dù đã được Tòa án triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị TH, chị TH được ly hôn với anh Trịnh Minh T. Về nuôi con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị TH, giao con chung tên Trịnh Thị Ngọc TR, sinh ngày xx/xx/xxxx cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị TH không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con chung"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không lý do dù đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị TH, nhận thấy:

Vợ chồng chị kết hôn năm 2002, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 16/6/2002 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn từ năm 2021, với tình tiết và nguyên nhân như chị TH trình bày, vợ chồng chị cũng đã ly thân, bỏ mặc nhau, không quan T nhau từ năm 2021. Trong suốt quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cho đến nay, anh T không đến Tòa án theo giấy triệu tập và cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị TH; điều này cho thấy anh không còn quan T đến cuộc hôn nhân này và mặc nhiên thừa nhận những mâu thuẫn phát sinh trong quá trình chung sống như chị TH trình bày trên. Đồng thời, qua xác minh tại địa phương thì vợ chồng anh chị chung sống thực tế có phát sinh nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân là do anh T ngoại tình. Từ những tình tiết trên cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã thật sự trầm trọng và không thể hàn gắn nên cần

chấp nhận yêu cầu của chị TH, cho chị được ly hôn với anh T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Anh chị chung sống có 02 người con chung như chị TH trình bày trên. Xét yêu cầu của chị TH, nhận thấy cháu TR hiện sống cùng anh T và có nguyện vọng muốn tiếp tục sống cùng ba, phía anh T cũng không có ý kiến phản đối nên cần giao cháu TR cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh T không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Đối với con chung tên Trịnh Thị Ngọc H, sinh năm 1996 hiện đã trưởng thành và anh chị không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị TH yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - *Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị TH, cho chị TH được ly hôn với anh Trịnh Minh T.

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung tên Trịnh Thị Ngọc Tr, sinh ngày xx/xx/xxxx cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu chị TH cấp dưỡng nuôi con.

- Chị TH được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

- Đối với con chung tên Trịnh Thị Ngọc H, sinh năm 1996 hiện đã trưởng thành.

3. Về án phí: Chị TH phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007419 ngày 24/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nên xem như chị đã nộp xong án phí.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thiền

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện G;
- CC.THADS huyện G;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.